

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí của một số thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 625/TTr-SXD ngày 20 tháng 3 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí tại Phần II của một số thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng (Kèm theo danh mục).

*Lý do:* Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

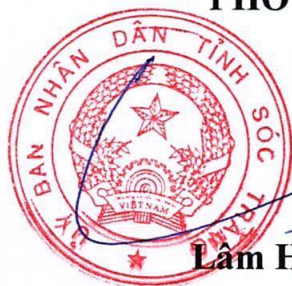
**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT.

*ant*

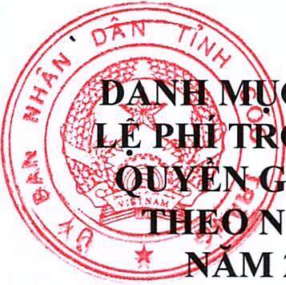
**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hoàng Nghiệp**

*ant*





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC PHÍ,  
LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC THẨM  
QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG  
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2023/NQ-HĐND NGÀY 07 THÁNG 12  
NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 765 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Mức phí áp dụng
<b>Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh</b>			
1	1.009974.000 .00.00.H51	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.
2	1.009975.000 .00.00.H51	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.
3	1.009976.000 .00.00.H51	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Đối với công trình khác: 100.000 đồng/giấy phép.
4	1.009977.000 .00.00.H51	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng: 10.000 đồng/lần.
5	1.009978.000 .00.00.H51	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng: 10.000 đồng/lần.